ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2052/QĐ-UBND	*Ba Tơ, ngày 25 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đầu tư di dời Trung tâm hành chính xã Ba Giang mới

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 16 quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc thực hiện khẩn cấp dự án: Đầu tư di dời Trung tâm hành chính xã Ba Giang mới;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện tại Tờ trình số 308/TTr-BQL ngày 18/9/2020 thẩm định dự án: Đầu tư di dời Trung tâm hành chính xã Ba Giang mới; của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Công văn số 149/TĐ-KT&HT ngày 22/9/2020 về việc thông báo kết quả thẩm định dự án: Đầu tư di dời Trung tâm hành chính xã Ba Giang mới,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đầu tư di dời Trung tâm hành chính xã Ba Giang mới, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Đầu tư di dời Trung tâm hành chính xã Ba Giang mới.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Ba Tơ.

3. Tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc và Công ty cổ phần cơ khí và xây lắp An Ngãi.

4. Chủ nhiệm lập dự án đầu tư: KS. Nguyễn Thành Thái.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng trung tâm hành chính xã Ba Giang mới được thực hiện khẩn cấp nhằm đáp ứng kịp thời việc di dời trung tâm hành chính xã Ba Giang và dân cư ra khỏi vùng sạt lở.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

6.1. Tuyến đường UBND xã đi Gò Lút: Nền, mặt đường, nút giao thông, thoát nước ngang, thoát nước dọc, tường chắn taluy, an toàn giao thông.

6.2. Mặt bằng trung tâm hành chính xã Ba Giang mới: Cầu BTCT. Nền, mặt đường, nút giao thông, thoát nước ngang, thoát nước dọc, tường chắn taluy, an toàn giao thông, san lấp mặt bằng. Xây dựng lớp học 10 phòng. Cấp điện, điện chiếu sáng và cấp nước sinh hoạt.

7. Địa điểm xây dựng: Tại vị trí quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án: Đầu tư di dời Trung tâm hành chính xã Ba Giang mới, được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 234a/QĐ-UBND ngày 31/01/2020.

8. Phương án xây dựng

8.1. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu nêu trong thiết minh thiết kế: TCVN 4054 – 2005; TCVN 8819:2011; TCVN 8859:2011; TCVN 4447 – 2012; QCVN 41:2012 /BGTVT; TCVN 7887:2008; TCVN:8864:2011; TCVN 7957-2008; TCVN 2737 – 1995; TCXD VN 259:2001; TCVN - 4756 – 89; TCVN 4447: 2012; TCVN 5574: 2012; TCVN 8793 - 2011; TCVN 8794 - 2011; TCVN 5574-2015…

8.2. Giải pháp thiết kế

8.2.1. Nền mặt đường

8.2.1.1. Hướng tuyến

- Hướng tuyến đường UBND xã đi Gò Lút thiết kế bám theo nền đường hiện trạng, nắn chỉnh cục bộ một số vị trí cho đảm bảo quy mô kỹ thuật của cấp đường.

- Hướng tuyến đường trong khu vực mặt bằng trung tâm hành chính xã Ba Giang mới thiết kế theo nền đường theo quy hoạch.

8.2.1.2. Trắc dọc tuyến

- Đoạn tuyến đường UBND xã đi Gò Lút thiết kế có địa hình khó khăn, độ dốc dọc tự nhiên rất lớn. Vì vậy khi thiết kế theo tiêu chuẩn cấp A miền núi *(TCVN 10380:2014)*, độ dốc dọc I_{max} =11% *(châm chước 13,7%)*.

- Các tuyến nội bộ khu vực mặt bằng trung tâm hành chính xã Ba Giang mới thiết kế có địa hình khó khăn, có độ dốc dọc tự nhiên rất lớn. Vì vậy khi thiết kế tuyến số 2 và tuyến số 3 theo tiêu chuẩn cấp VI miền núi *(TCVN 4054:2005)*, độ dốc dọc I_{max} =11% *(châm chước 15%)* và thiết kế tuyến số 1 theo đường phố nội bộ *(TCVN 104:2007)*, độ dốc dọc I_{max} =7,2%.

- Tần suất thiết kế đối với cầu nhỏ, cống và nền đường là P=4%.

- Cao độ thiết kế trên trắc dọc là cao độ tim đường.

8.2.1.3. Trắc ngang tuyến

Mặt cắt ngang tuyến đường UBND xã đi Gò Lút được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp A miền núi *(TCVN 10380:2014)* cụ thể như sau:

- Bề rộng nền đường: $B_{nền}$ = 6,0m.

- Bề rộng mặt đường + lề gia cố: $B_{mặt}$ = 3,5+1 x 2(bên)=5,5m.
- Bề rộng lề đường đất: $B_{lề}$ = 0,25m x 2(bên) = 0,5m.
- Độ dốc ngang mặt đường + gia cố lề: i = 2%
- Độ dốc ngang lề đường i = 4%.

Mặt cắt ngang tuyến đường nội bộ tuyến số 2 và tuyến số 3 thuộc khu vực mặt bằng trung tâm hành chính xã Ba Giang mới được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi *(TCVN 4054:2005)* cụ thể như sau:

- Bề rộng nền đường: $B_{nền}$ = 6,0m.
- Bề rộng mặt đường + lề gia cố: $B_{mặt}$ = 3,5+1 x 2*(bên)* =5,5m.
- Bề rộng lề đường đất: $B_{lề}$ = 0,25m x 2*(bên)* = 0,5m.
- Độ dốc ngang mặt đường + gia cố lề: i = 2%.
- Độ dốc ngang lề đường i = 4%.

Mặt cắt ngang tuyến đường nội bộ tuyến số 1 thuộc khu vực mặt bằng trung tâm hành chính xã Ba Giang mới được thiết kế theo tiêu chuẩn đường đường phố nội bộ *(TCVN 104:2007)* cụ thể như sau:

- Bề rộng nền đường: $B_{nền}$ = 10,5m.
- Bề rộng mặt đường: $B_{mặt}$ = 7,5m.
- Bề rộng vỉa hè: $B_{lề}$ = 1,5m x 2*(bên)* = 3,0m.
- Độ dốc ngang mặt đường: i = 2%.
- Độ dốc ngang hè đường i = 2%.

8.2.2. Thiết kế nền đường

Nền đường có hai dạng chính là nền đường đào và nền đường đắp.

8.2.2.1. Đối với nền đào

- Với nền đào trong đất sau khi đã đào đến cao độ thiết kế đáy kết cấu áo đường cần phải lu lèn kỹ, kiểm tra đất nền tự nhiên đạt K98 tùy theo từng đoạn tuyến thiết kế, nếu nền đất tự nhiên không đảm bảo yêu cầu thiết kế đối với nền đường K98 thì phải xử lý thay đất để lu lèn đạt độ chặt yêu cầu.

8.2.2.2. Đối với nền đắp

- Nền đường đắp thông thường với độ dốc mái taluy m = 1,5.
- Đắp trên mái dốc có độ dốc ngang trên 20%: Trước khi đắp phải đánh cấp với bề rộng B = 1,0m.
- Đất nền được đắp thành từng lớp với bề dày 20 - 30cm, đầm chặt K≥ 0,95.

8.2.3. Thiết kế mặt đường

8.2.3.1. Thiết kế cho tuyến đường UBND xã đi Gò Lút, tải trọng trục tính toán: P=6,0T *(P=60KN)*, *(kiểm toán cho trụ P=10,0T (P=100KN))*.

- Kết cấu áo đường và gia cố lề được tính từ trên xuống như sau *(E_{yc}=315000daN/cm^2)*:

+ Bê tông M300 đá 1x2, dày 20cm.

+ Lớp cấp phối đá dăm loại 1Dmax=25mm dày 15cm.

+ Lớp đất trên cùng dày 30cm đầm chặt K≥0,98; E_0 = 40Mpa.

8.2.3.2. Thiết kế cho các tuyến thuộc khu vực mặt bằng trung tâm hành chính xã Ba Giang mới, tải trọng trục tính toán: P=10.0T *(P=100KN), (kiểm toán cho trụ P=12.0T (P=120KN))*.

- Kết cấu áo đường và gia cố lề được tính từ trên xuống như sau *(E_{yc}=330.000daN/cm^2)*:

+ Bê tông M350 đá 1x2, dày 22cm.

+ Lớp cấp phối đá dăm loại 1Dmax=25mm dày 15cm.

+ Lớp đất trên cùng dày 30cm đầm chặt K≥0,98; E_0 = 40Mpa.

8.2.4. Cống thoát nước ngang trên tuyến

- Tiêu chuẩn thiết kế cống: Quy trình 22TCN 18-79.
- Cống tròn tham khảo định hình 533 – 01 – 01; 533 – 01 – 02.
- Cống vuông lắp ghép tham khảo định hình 86 – 04X.
- Thiết kế qui mô BTCT vĩnh cửu.
- Tải trọng thiết kế H30 – XB80.
- Khổ cống phù hợp với khổ nền đường.

8.2.4.1. Cống tròn

- Ống cống tròn lắp ghép bê tông M200 đá 1x2.
- Móng tường đầu, móng tường cánh bê tông M150 đá 2x4.
- Tường đầu, tường cánh, hố tụ bê tông M150 đá 2x4.
- Bê tông lót móng thân cống M100 đá 4x6.
- Gia cố thượng, hạ lưu BT mái taluy M150 đá 2x4, chân khay M150 đá 2x4.

8.2.4.2. Cống vuông

- Thân cống bao gồm một dãy đốt cống với chiều dày mỗi đốt L = 1m. Cống vuông có ống cống bằng BTCT M250 đá 1x2.
- Bê tông lót móng thân cống BT M100 đá 4x6.
- Móng tường đầu, móng tường cánh bê tông M150 đá 4x6.
- Tường đầu, tường cánh, hố tụ bê tông M150 đá 2x4.
- Đoạn vuốt nối mương thủy lợi mỗi bên 2m, kết cầu bằng BTCT M250 đá 1x2.
- Đắp cát lắng nước đầm chặt K95 ở hai bên mang cống.

8.2.4.3. Cống hộp

- Thân cống bằng BTCT M300 đá 1x2.
- Móng thân cống bằng bê tông M100 đá 4x6 dày 30cm.
- Móng tường đầu, tường đầu và sân cống bằng bê tông M150 đá 4x6.
- Tường đầu, tường cánh bê tông M150 đá 2x4.
- Đắp cát lắng nước đầm chặt K95 ở hai bên mang cống.
- Gia cố thượng, hạ lưu mái taluy BT M200 đá 1x2, chân khay M150 đá 4x6.

8.2.5. Cầu L=2x24=48m

8.2.5.1. Quy mô

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22TCN272 - 05.
- Thiết kế qui mô BTCT vĩnh cửu.
- Tải trọng thiết kế HL93, đoàn người 300KG/m^2.
- Tần suất thiết kế: P=4%.
- Mặt cắt ngang cầu B = 0,5+7,0+0,5=8,0m.
- Dốc dọc cầu: I_d = 0%.
- Dốc ngang cầu hai mái : I_n = 2%.

8.2.5.2. Kết cấu nhịp

- Cầu dầm BTCT DUL gồm 2 nhịp L = 24m. Mặt cắt ngang cầu gồm 4 dầm BTCT DUL chữ *"I"* chiều cao dầm chủ 1,45m, khoảng cách các dầm 2,4m.
- Mặt cầu có lớp phủ bằng BTCT 30Mpa đá 1x2 dày 7cm.
- Lớp chống thấm bằng Radcon Formula7.
- Bản mặt cầu BTCT 30MPa đá 1x2 dày 20cm.
- Bản ván khuôn bằng BTCT 20MPa đá 1x2 dày 8cm.
- Dầm chủ bằng BTCT 40MPa đá 1x2.
- Gối cầu bằng cao su bản thép KT*(400x300x50)*mm.
- Trên nhịp bố trí 12 ống thoát nước D150mm.
- Khe co giãn dạng ray thép VHR-C50.
- Lan can tay vịn bằng ống thép mạ kẽm.

8.2.5.3. Mố cầu

Mố M0, M1: Dạng mố chữ U, tường cánh mỏng bằng BTCT 30Mpa đá 1x2, móng mố đặt trên nền đá gốc cứng chắc. Đá kê gối, ụ neo tại mố bằng BTCT 30Mpa đá 1x2.

8.2.5.4. Đường hai đầu cầu

- Bản dẫn bằng BTCT 25MPa đá 1x2 được đặt trên lớp cấp phối đá dăm loại 1.
- Đắp cát sau mố đầm chặt K≥0,95 nhằm thoát nước tốt.
- Gia cố nón mố, mái taluy đường hai đầu cầu bằng bê tông 12Mpa đá 2x4 dày 15cm.
- Chân khay bằng bê tông 12MPa đá 2x4, tường chắn bố trí tứ nón cầu bằng bê tông 12MPa đá 2x4.
- Bố trí cọc tiêu, biển báo hai đầu cầu.
- Cắt ngang đường hai đầu cầu

+ L=10m nền đường sau đuôi mố có bề rộng $B_{nền}$ = 11,0m, $B_{mặt}$ = 8,0m, vuốt nối về nền đường thông thường, đoạn này có bề rộng nền $B_{nền}$ =10,5m, $B_{mặt}$ = 7,5m. Đường hai đầu cầu được thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố nội bộ *(TCVN 104:2007)*.

+ Mái taluy nền đường: Đối với nền đào, mái taluy: 1:1; đối với nền đắp, mái taluy: 1:1,5.

+ Kết cấu nền đường bằng đất đồi đầm chặt K≥0,95.

- Bề rộng mặt đường + lề gia cố: $B_{mặt}$ =3,5+0,25x2=4,0m.

- Kết cấu mặt đường bằng BTXM M250 đá 1x2, dày 18cm.

- Độ dốc ngang mặt đường 2%.

- Bề rộng lề đường đất: $B_{lề}$ =0,5x2=1,0m.

- Kết cấu lề đường đất: Đất đồi đầm chặt K95.

- Độ dốc ngang lề đường 4%.

8.2.6. Công trình phụ trợ

8.2.6.1. Nút giao với các đường dân sinh và cống nút giao

- Nút giao thông được thiết kế đảm bảo người và xe cộ đi lại an toàn thông suốt, đảm bảo thoát nước mặt nhanh chóng. Nút giao thông được thiết kế đơn giản, các bán kính cong đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô *(phần nút giao)*: 22TCN 273-01. Kết cấu nút giao như kết cấu mặt đường chính.

- Cống giao nút dân sinh: Tại các vị trí nút giao bố trí cống thoát nước kết nối thông suốt rãnh dọc với kết cấu như sau:

+ Thân cống bằng bê tông M200 đá 2x4.

+ Xà mũ cống bằng BTCT M250 đá 1x2.

+ Bản mặt cống bằng BTCT M250 đá 1x2 dày 15cm.

+ Móng tường đầu bằng BTXM M150 đá 4x6.

+ Tường đầu bằng BTXM M150 đá 2x4.

8.2.6.2. Thiết kế rãnh dọc: Rãnh hình thang KT *(0,4x0,4x1,2)*m và rãnh hộp thiết kế kết hợp với tường chắn rọ đá KT *(0,5x0,6)*m để đảm bảo thoát nước.

- Rãnh dọc hình thang: Áp dụng chung cho các đoạn tuyến.

+ Bề rộng đáy rãnh: $B_đ$ = 0,4m.

+ Bề rộng mặt rãnh B_m = 1,2m.

+ Hệ số mái rãnh m = 1.

- Thiết kế rãnh hình thang bằng đất với bề rộng đáy rãnh b = 40cm, chiều cao rãnh h = 40cm, mái dốc thành rãnh m = 1. Rãnh dọc được thiết kế bằng BTXM M150 đá 2x4 dày 12cm tại các vị trí cần thiết.

- Đoạn qua khu dân cư thuộc khu vực mặt bằng trung tâm hành chính xã Ba Giang mới, thiết kế mương hộp đậy đan KT *(50x60)*cm, tấm đan, thân mương hộp BTCT M250 đá 1x2, móng lót BTXM M100 đá 4x6, hai bên thành mương bằng BTXM M250 đá 1x2 dày 20cm.

8.2.6.3. Tường chắn đất

- Thiết kế tường chắn rọ đá taluy âm để gia cố mái taluy tuyến số 1 và tuyến hố 2, gia cố taluy âm khu vực mặt bằng dự kiến xây dựng trụ sở UBND xã.

- Thiết kế tường chắn BTXM và BTCT tại các vị trí mặt bằng tái định cư giữa hai mặt bằng liền kề nhau có độ chênh cao H*(m)*.

- Rọ đá làm tường chắn loại rọ đá bọc nhựa PVC kích thước KT *(0,5x1x2)*m và KT *(1x1x2)*m.

- Tường chắn được đặt trên lớp móng bằng BTXM M200 đá 1x2 dày 30cm.

- Sau lưng tường chắn được bọc vải địa kỹ thuật.

- Tường chắn bằng BTXM có móng, thân bằng BTXM M150 đá 2x4.

- Tường chắn bằng BTCT có móng, thân bằng BTXM M200 đá 1x2.

8.2.6.4. Thiết kế an toàn giao thông

- Để đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình khai thác cần phải bố trí hệ thống an toàn giao thông như biển báo, cọc tiêu, tường hộ lan…..

- Hệ thống biển báo gồm các loại: Biển báo hiệu, biển chỉ dẫn....

- Cấu tạo:

+ Móng cột biển báo, cọc tiêu bằng BT M150 đá 4x6.

+ Thân cọc tiêu bằng BTCT M200 đá 1x2.

+ Trụ biển báo là ống thép mạ kẽm nhúng nóng D90 dày 2mm, hàn bịt đầu bằng thép tấm.

+ Tấm biển báo bằng thép dày 1,2mm.

8.2.7. Xây dựng lớp học 10 phòng 2 tầng

- Nhà cấp III, 2 tầng, niên hạng sử dụng từ 20 năm đến dưới 50 năm, bậc chịu lửa bậc IV. Diện tích xây dựng 569m^2 và diện tích sàn khoảng 1.128m^2. Cos nền cao hơn cos san nền 0,60m; chiều cao tầng 1: 3,90m, tầng 2: 3,90m, chiều cao mái 1,80m.

- Kết cấu và hoàn thiện

+ Móng trụ BTCT, tường xây gạch không nung VXM M75.

+ Cột, dầm, sàn, mái BTCT đá 1x2 M200.

+ Mái lợp tole dày 0,4mm.

+ Nền nhà lát gạch ceramic 600x600mm.

+ Tường bả matit sơn 3 nước.

+ Bậc cấp ốp đá granit.

+ Hệ thống cấp điện trong nhà.

+ Hệ thống phòng cháy chữa cháy.

8.2.8. Hệ thống cấp điện

- Phần đường dây 22kV.

- Phần trạm biến áp.

- Phần đường dây 2x0,23kV.

8.2.9. Hệ thống điện chiếu sáng

- Điện áp: 0,23kV.

- Kết cấu lưới điện: 1 pha - 2 dây.

- Chiều dài tuyến đường dây: Khoảng 920m.

+ Trụ điện: Lắp kết hợp trên các cột điện hạ thế và trung thế xây dựng mới thuộc hạng mục cấp điện.

+ Số lượng bóng đèn: Khoảng 27 bộ bóng đèn *(đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED-80W-220V)*.

- Cáp dẫn điện từ đường dây hạ thế đến công tơ 1 pha, từ công tơ 1 pha đến tủ điều khiển chiếu sáng, từ tủ điều khiển đến đường dây chiếu sáng trên không

chọn dùng loại cáp nhôm vặn xoắn bọc cách điện XLPE. Ký hiệu LV-ABC *(2x25)*mm^2 – 600V treo trên cột BTLT bằng các giá móc treo cáp.

- Cáp dẫn điện từ đường dây chiếu sáng đi trên không lên các đèn dùng loại cáp đồng bọc cách điện PVC, vỏ bọc PVC – 600V. Ký hiệu: M*(3x2,5)*mm^2.

8.2.10. Hệ thống cấp nước

- Đập đầu mối

+ Đập kết cấu bê tông đá 1x2 mác 200, dày 15cm, lưới thép D10, a = 15cm.

+ Chiều dài đập L = 7,2m.

+ Cụm xử lý nước cấp công suất 100m^3/ngđ, tích hợp bao gồm: Bệ đỡ, bể lắng lamen, bể lọc tự rửa...bằng Inox 304 và bể chứa nước sạch Q = 20m^3.

- Kích thước khu xử lý: 20,0 x 20,0m.

- Tuyến ống nước thô D80/90, dùng ống HDPE, nối bằng phương pháp hàn, chiều dày thành ống 6,7mm, PN = 12,5 Bar, chiều dài tuyến ống D80/90 HDPE – L500m.

- Tuyến ống nước sạch D80/90 và D50/63, dùng ống HDPE, nối bằng phương pháp hàn, chiều dày thành ống D80/90 HDPE, dày 6,7mm, PN = 12,5 Bar, chiều dài ống D80/90 HDPE – L970m. Tuyến ống nước sạch D50/63, dùng ống HDPE, nối bằng phương pháp hàn, chiều dày thành ống D50/63 HDPE, dày 4,7mm, PN = 12,5 Bar, chiều dài ống D50/60 HDPE – L525m.

9. Thiết kế công nghệ: Công trình không yêu cầu thiết kế công nghệ.

10. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Theo phương án sơ bộ do BQL DA ĐTXD và PTQĐ huyện lập.

11. Dự án thuộc nhóm C, công trình: Giao thông, cấp IV; dân dụng, cấp III; hạ tầng kỹ thuật, cấp IV; công nghiệp, cấp IV.

12. Số bước thiết kế: 02 bước.

13. Tổng mức đầu tư: **77.000.000.000 đồng** *(Bảy mươi bảy tỷ đồng)*, trong đó:

- Chi phí bồi thường và GPMB: 7.000.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 56.202.919.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 1.289.237.000 đồng;
- Chi phí tư vấn xây dựng: 4.519.511.000 đồng;
- Chi phí khác: 1.231.052.000 đồng;
- Dự phòng chi: 6.757.281.000 đồng.

14. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ + Ngân sách huyện.

15. Hình thức quản lý dự án: Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020 – 2022.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt, sớm đưa dự án vào khai thác, phát huy hiệu quả.

2. Thực hiện kiến nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Công văn số 149/TĐ-KT&HT ngày 22/9/2020.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng huyện; Trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính – Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Ba Tơ; Chủ tịch UBND xã Ba Giang; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- PVP huyện;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Giang Nam